

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 01/BINHAN/2025

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

**Tên tổ chức, cá nhân: HỘ KINH DOANH BÌNH AN**

**Địa chỉ:** Số nhà NO14-LK02, Khu đất ở, đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Điện thoại:** 0913786894

**E-mail:** Anhquan106@gmail.com

**Mã số đăng ký hộ kinh doanh:** 0108058042

**Mã số thuế:** 038084000153

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Trà Bình An**

**2. Thành phần:** Dextrose anhydrous (50%), đường trắng (saccaroza) (22%), chiết xuất trà đen (9%), bột thảo mộc (9%) [kim ngân, lạc tiên, chè dây, atiso đỏ, nhân trần, đơn kim, mã đề, cam thảo, hoa cúc, thổ phục linh, chất chống đông vón (INS 551), hương thảo mộc], hương liệu tổng hợp (hương chanh sả), chất chống đông vón (INS 551), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất điều chỉnh độ acid (E331(iii)), bột trà hoa vàng (1%), chất tạo ngọt (INS 950, INS 960d), chiết xuất đông trùng hạ thảo.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem dưới trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 3g/ gói, Hộp 10 gói. Hoặc quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

đ

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong màng nhôm phức hợp ghép lớp, hộp giấy, thùng catton hoặc các chất liệu khác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL TEA**

**Địa chỉ sản xuất:** Tổ dân phố Văn Hữu, Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018:** HT.02.1560 ngày 12/06/2024 cấp bởi Văn phòng chứng nhận chất lượng (BQC).

**III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM**

1. **Tên sản phẩm thực phẩm:** Trà Bình An

2. **Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:**

**HỘ KINH DOANH BÌNH AN**

Địa chỉ: Số nhà NO14-LK02, Khu đất ở, đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Xuất xứ hàng hóa : Việt Nam

4. Định lượng: 3g/ gói, Hộp 10 gói

5. Ngày sản xuất:

6. Hạn sử dụng:

7. Thành phần hoặc thành phần định lượng : Dextrose anhydrous (50%), đường trắng (saccaroza) (22%), chiết xuất trà đen (9%), bột thảo mộc (9%) [kim ngân, lạc tiên, chè dây, atiso đỏ, nhân trần, đơn kim, mã đề , cam thảo, hoa cúc, thổ phục linh, chất chống đông vón (INS 551), hương thảo mộc], hương liệu tổng hợp (hương chanh sả), chất chống đông vón (INS 551), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất điều chỉnh độ acid (E331(iii)), bột trà hoa vàng (1%), chất tạo ngọt (INS 950, INS 960d), chiết xuất đông trùng hạ thảo.

8. Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc bao bì không còn nguyên vẹn. Không sử dụng nếu dị ứng với bất kì thành phần nào của sản phẩm.

9. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng:

6

- + Hòa tan 1 gói 3g với 150ml nước khuấy đều và thưởng thức hương vị tuyệt vời nhất. Có thể dùng chung với đá lạnh.
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.
10. Ghi chú: Thực phẩm này không phải là thuốc, không phải là thực phẩm chức năng, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.

#### **IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Sản phẩm **Trà Bình An** đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- TCCS số 01 – BA/2025

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2025  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN**



Bùi Ngọc Hưng

## Mẫu nhãn sản phẩm

### TRÀ BÌNH AN

**Thành phần:** Dextrose anhydrous (50%), đường trắng (saccaroza) (22%), chiết xuất trà đen (9%), bột thảo mộc (9%) [kim ngân, lạc tiên, chè dây, atiso đỏ, nhân trần, đơn kim, mã đề, cam thảo, hoa cúc, thổ phục linh, chất chống đông vón (INS 551), hương thảo mộc], hương liệu tổng hợp (hương chanh sả), chất chống đông vón (INS 551), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất điều chỉnh độ acid (E331(iii)), bột trà hoa vàng (1%), chất tạo ngọt (INS 950, INS 960d), chiết xuất đông trùng hạ thảo.

**Khối lượng tịnh:** ... g

**Ngày sản xuất:** Xem trên bao bì.

**Hạn sử dụng:** 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Hướng dẫn sử dụng:** Hòa tan 1 gói 3g với 150ml nước khuấy đều và thưởng thức hương vị tuyệt vời nhất. Có thể dùng chung với đá lạnh.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.

SỐ LÔ:

NSX:

HD:

**Cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc bao bì không còn nguyên vẹn. Không sử dụng nếu dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

**Số TCB:** 01/BINHAN/2025

Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm :

**HỘ KINH DOANH BÌNH AN**

**Địa chỉ:** Số nhà NO14-LK02, Khu đất ở, đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Điện thoại:** 0913786894

Sản xuất tại:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL TEA**

**Địa chỉ sản xuất:** Tổ dân phố Văn Hữu, Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

### GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Trong 100g

Năng lượng	374 kcal
Protein	1.98 g
Chất béo (Lipid)	< 0.30 g
Carbohydrate	91.2 g
Natri	483 mg
Đường tổng số	81.7 g

  
Minh Ngọc Hồng

## TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA SẢN PHẨM

CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL TEA	TÊN SẢN PHẨM	Số TCCS: 01 – BA/2025
	TRÀ BÌNH AN	Có hiệu lực kể từ ngày tự công bố

### 1. Tên sản phẩm: TRÀ BÌNH AN

### 2. Nhà sản xuất:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL TEA

**Địa chỉ sản xuất:** Tổ dân phố Văn Hữu, Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Thành phần:** Dextrose anhydrous (50%), đường trắng (saccaroza) (22%), chiết xuất trà đen (9%), bột thảo mộc (9%) [kim ngân, lạc tiên, chè dây, atiso đỏ, nhân trần, đơn kim, mã đề, cam thảo, hoa cúc, thổ phục linh, chất chống đông vón (INS 551), hương thảo mộc], hương liệu tổng hợp (hương chanh sả), chất chống đông vón (INS 551), chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất điều chỉnh độ acid (E331(iii)), bột trà hoa vàng (1%), chất tạo ngọt (INS 950, INS 960d), chiết xuất đông trùng hạ thảo.

### 3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 3g/gói, Hộp 10 gói. Hoặc theo yêu cầu của khách hàng được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong màng nhôm phức hợp ghép lớp, hộp giấy, thùng catton hoặc các chất liệu khác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

### 4. Yêu cầu kỹ thuật

#### 4.1 Các chỉ tiêu hóa lý : (Tiêu chuẩn nhà sản xuất)

- Trạng thái: Dạng bột mịn có lẫn các hạt đường.
- Màu sắc nước: Màu vàng nâu sáng đặc trưng.
- Mùi vị: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không lẫn mùi tạp chất

#### 4.2 Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: (Tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 9

#### 4.3 Các chỉ tiêu vi sinh vật: (Tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 <sup>4</sup>
2	Coliforms	CFU/g	10
3	E.coli	MPN/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10
5	Cl. perfringens	CFU/g	10
6	B.cereus	CFU/g	10
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 <sup>2</sup>

**4.4 Hàm lượng kim loại nặng:** (Tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1.0
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1.0
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.5
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

**4.5 Giới hạn độc tố vi nấm:** (Tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4

**4.6 Chỉ tiêu dinh dưỡng:** (Tiêu chuẩn nhà sản xuất)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Trong 100g
1	Năng lượng	kcal	374±25%
2	Chất đạm	g	1.98±25%
3	Chất béo	g	<0.30
4	Carbohydrate không bao gồm xơ	g	91.2±25%
5	Đường tổng số	g	81.7±25%
6	Natri	mg	483±25%

**5. Ngày sản xuất, hạn sử dụng:**

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng: In trên bao bì sản phẩm.
- Hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất

**6. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:**

- Hướng dẫn sử dụng: Hòa tan 1 gói 3g với 150ml nước khuấy đều và thưởng thức hương vị tuyệt vời nhất. Có thể dùng chung với đá lạnh.

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.

**7. Cảnh báo:**

- Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc bao bì không còn nguyên vẹn. Không sử dụng nếu dị ứng với bất kì thành phần nào của sản phẩm.

**8. Xuất xứ:** Việt Nam

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Kim Cường*



Hàng hóa bảo quản được đưa ra ngoài trời hoặc để trong kho không có mái che.

7. Các chi phí:

- Không có hàng hóa bảo quản - chi phí vận chuyển hàng hóa bảo quản từ kho đến nơi giao hàng.  
- Chi phí vận chuyển hàng hóa bảo quản từ kho đến nơi giao hàng.

8. Thời hạn bảo quản:

Thời hạn bảo quản hàng hóa bảo quản:

Thời hạn bảo quản hàng hóa bảo quản:



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Cường*





**KHUE NAM**  
Committed to quality

**CÔNG TY TNHH DV KHCN KHUÊ NAM**  
KHUE NAM TECHNOLOGY SCIENCE SERVICES CO., LTD



Số: 25071272/KQKN  
Mã số: 2507253-1  
Trang 1 | 2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **HỘ KINH DOANH BÌNH AN**

Địa chỉ: Số nhà NO14-LK02, khu đất ở, đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tên mẫu: **TRÀ BÌNH AN**

Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong túi kín, bên ngoài bao bì có dán nhãn ghi thông tin mẫu

Ngày nhận mẫu: 14/07/2025 Thời gian thử nghiệm: 14/07 - 22/07/2025

Ngày trả kết quả: 23/07/2025

Kết quả:

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 89.80... Quyển số: 0420.25 SCT/BS  
Ngày: 08-09-2025

Phụ trách Kiểm nghiệm



Lê Nguyễn Hà My

**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Hùng Dũng*

KT. Giám Đốc  
Phó Giám Đốc



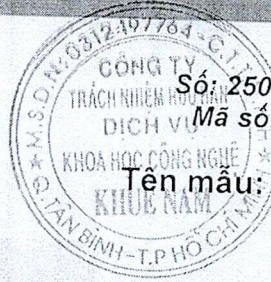
Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/ Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (\*) Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện / For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.

Số: 25071272/KQKN  
Mã số: 2507253-1  
Trang 2/2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Năng lượng	Kcal/100g	374	FDA Reg. 21 CFR 101.9
02	Béo tổng	g/100g	<0.30	KN/QTH08 (*)
03	Protein (Nx6.25)	g/100g	1.98	KN/QTH07/2 (*)
04	Carbohydrate (không bao gồm xơ tổng)	g/100g	91.2	FDA Reg. 21 CFR 101.9
05	Natri (Na)	mg/100g	483	Ref. AOAC 969.23 (*)
06	Đường tổng	g/100g	81.7	Ref. TCVN 10327:2014 (*)
07	Arsen (As)	mg/kg	0.022	Ref. AOAC 2015.01 (*)
08	Cadmi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2015.01 (*)
09	Chì (Pb)	mg/kg	0.13	Ref. AOAC 2015.01 (*)
10	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD=0.006)	Ref. AOAC 2015.01 (*)
11	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD=0.4)	Ref. AOAC 2005.08 (HPLC-FLD) (*)
12	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD=0.4)	Ref. AOAC 2005.08 (HPLC-FLD) (*)
13	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	2.2 x 10 <sup>2</sup>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022 (*)
14	Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006 (*)
15	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	ISO 16649-2:2001 (*)
16	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	<10	AOAC 975.55 (*)
17	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	<10	AOAC 980.31 (*)
18	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	<10	ISO 15213-2:2023 (*)
19	Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/g	<10	ISO 21527-2:2008 (*)
20	Salmonella	/25g	Không phát hiện	ISO 6579-1:2017 /Amd 1:2020 (*)





Số: 25071272/KQKN

Mã số: 2507253-1

Tên mẫu: TRÀ BÌNH AN

## GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Số khẩu phần

Khẩu phần

100g

Giá trị dinh dưỡng trên 1 khẩu phần

**Năng lượng**

**370**

% giá trị dinh dưỡng hàng ngày \*

Chất béo 0g

0%

Natri 480mg

24%

Carbohydrat 91g

28%

Đường tổng số 82g

Chất đạm 2g

4%

\* Phần trăm giá trị dinh dưỡng hàng ngày (%DV) cho biết hàm lượng dinh dưỡng trong một khẩu phần đóng góp vào chế độ ăn hàng ngày. Chế độ dinh dưỡng 2000 calories mỗi ngày được khuyến nghị sử dụng phổ biến.



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



VILAS 997

Xuất bản / ref.: PPT25s120301-s58L2P Ngày / Date: 28/08/2025

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**HỘ KINH DOANH BÌNH AN**

Số nhà NO14-LK02, Khu đất ở, đất dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thông tin mẫu thử / Sample information:

SP25s1203-01

Tên mẫu thử / name.: Trà Bình An

Ngày tiếp nhận / receipt date.: 12/8/2025

Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date.: 12/8/2025 - 28/8/2025

Mô tả / desc.: Mẫu đóng gói, trên gói dán tên mẫu

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Độ ẩm	3,87	%	HDPP086-KNTP	IRDOP VS

Ghi chú / Note:

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực... 89/77... Quyển số: 04/20...-SCT/BS

Ngày: 08-09-2025

KT.VIÊN TRƯỞNG

PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President

Nguyễn Bá Xuân Trường



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Dũng





LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM  
VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS - VUSTA

VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
BUREAU OF QUALITY CERTIFICATION

**BẢN SAO**

# GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của  
*Certify that the Food Safety Management System of*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL TEA  
NATURAL TEA JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Xóm Văn Hữu, Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Address: Van Huu Hamlet, Dong Hy Commune, Thai Nguyen Province, Vietnam

Địa chỉ sản xuất: Xóm Văn Hữu, Xã Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Production address: Van Huu Hamlet, Dong Hy Commune, Thai Nguyen Province, Vietnam

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

*Has been assessed and found to be in conformance with the requirements set forth by:*

**ISO 22000:2018**

Cho lĩnh vực/For the following activities:

Sản xuất, chế biến và kinh doanh: chè, các sản phẩm từ chè; bột matcha, bột trà xanh, bột hồng trà (bột trà đen); các sản phẩm trà (trà túi lọc, trà thảo mộc, trà trái cây, trà hòa tan). Sản xuất chế biến các sản phẩm từ cà phê; và các sản phẩm bột trái cây, bột rau, bột củ.

Manufacturing and processing and selling: tea, tea products; matcha powder, green tea powder, black tea powder (black tea powder); tea products (tea bags, herbal tea, fruit tea, instant tea). Manufacturing and processing coffee products; and fruit powder, vegetable powder, and root powder products.

Số chứng thực 37882... Quyền số 01...SCT/BS.

Được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn

*And approved to bear Certification mark*



VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
Bureau of Quality Certification

Giám đốc/Director



Số chứng nhận  
Certificate No.

:

Hiệu lực của chứng nhận  
Certificate validity period

:

Từ *From* 10/09/2025  
đến *to* 11/06/2027

Chi tiết tại Quyết định số  
Details in Decision No.

:

308B/2025/QĐ-BQC

Mai Thái An

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Nguyễn Đức Tuấn*

Giấy chứng nhận sẽ hết hiệu lực trước ngày 12/06/2026 nếu không thực hiện giám sát duy trì hiệu lực  
*The certificate will expire before 12/06/2026 if maintenance monitoring is not performed.*